

Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng năm 2021

Analysis of medicines expenditure at Hai Phong Hospital of Obstetrics and Gynecology in 2021

Nguyễn Thị Thanh Hương*,
Hoàng Phú Tiến**

*Trường Đại học Dược Hà Nội,
**Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng

Tóm tắt

Mục tiêu: Xác định một số tồn tại trong danh mục thuốc sử dụng tại bệnh viện. **Đối tượng và phương pháp:** Danh mục thuốc sử dụng (danh mục thuốc xuất, nhập, tồn) tại bệnh viện phụ sản Hải Phòng từ 01/01/2021-31/12/2021. **Kết quả:** Năm 2021, bệnh viện phụ sản Hải Phòng sử dụng 179 khoản mục thuốc, tương ứng xấp xỉ 15,9 tỷ đồng. Thuốc nhập khẩu được sử dụng với tỷ lệ khoản mục và giá trị còn cao (>40%). Đường dùng nhiều nhất là đường tiêm, tiêm truyền (74,9% khoản mục; 88,3% giá trị). Thuốc generic sử dụng (>93,2% giá trị), thuốc đơn thành phần (99,5% giá trị). Tỷ lệ khoản mục hạng A: 10,1%; hạng B: 14,5%; hạng C: 75,4%. Thuốc hạng A gồm 7 nhóm tác dụng, trong đó có 3 nhóm tác dụng được lý sử dụng nhiều nhất đặc thù đối với chuyên khoa phụ sản gồm: Thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn; Thuốc thúc đẻ, cầm máu sau đẻ và chống đẻ non; Thuốc gây tê, gây mê. Bệnh viện có sử dụng 1 thuốc AN là Haisamin. **Kết luận:** Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng tại bệnh viện phụ sản Hải Phòng năm 2021 tương đối hợp lý về nhóm thuốc, nguồn gốc, đường dùng, thành phần, thuốc generic. Cơ cấu thuốc mua sắm tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng năm 2021 hợp lý về tỷ lệ khoản mục các hạng A, B, C.

Từ khóa: Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng, phân tích ABC hạng A, B, C, danh mục thuốc, danh mục thuốc sử dụng.

Summary

Objective: To identify some of the existing issues within the medication list used at the hospital. **Subject and method:** The medication list used (including the list of medications exported, imported, and in stock) at Hai Phong Hospital of Obstetrics and Gynecology from 01/01/2021 to 31/12/2021. **Result:** In 2021, Hai Phong Hospital of Obstetrics and Gynecology used 179 drug items, approximately equivalent to 15.9 billion Vietnamese dong (VND). Imported drugs were used at a high rate in terms of both the number of items and value (>40%). The most common route of administration was injections and infusions, accounting for 74.9% of the medication items and 88.3% of the value. Generic drugs were predominantly used (>93.2% by value), as well as single-component drugs (99.5% by value). The distribution of medication items was as follows: Grade A: 10.1%, Grade B: 14.5%, Grade C: 75.4%. Grade A drugs consisted of 7 groups of therapeutic effects, including 3 groups specific to obstetrics specialties:

Ngày nhận bài: 02/10/2023, ngày chấp nhận đăng: 08/10/2023

Người phản hồi: Nguyễn Thị Thanh Hương, Email: thanhhuong.duochn@gmail.com - Trường Đại học Dược Hà Nội

the medications used for treating parasitic infections and preventing infections; medications for labor induction, controlling postpartum bleeding, and preventing preterm birth; and anesthetic medications. The hospital used one AN drug called Haisamin. *Conclusion:* The structure of the medication list used at Hai Phong Hospital of Obstetrics and Gynecology in 2021 is relatively reasonable in terms of medication groups, origins, routes of administration, components, and generic drugs. The procurement structure of medications at Hai Phong Hospital of Obstetrics and Gynecology in 2021 is reasonable in terms of the proportion of medication items in Grades A, B, and C.

Keywords: Hai Phong Hospital of Obstetrics and Gynecology, ABC analysis, medicines expenditure, medication list used.

1. Đặt vấn đề

Phân tích dữ liệu sử dụng thuốc tại bệnh viện hàng năm nhằm phát hiện những tồn tại trong sử dụng thuốc làm cơ sở cho việc lựa chọn thuốc hợp lý trong năm tiếp theo. Ưu tiên sử dụng thuốc sản xuất trong nước, thuốc generic cần được các bệnh viện quan tâm nhằm tiết kiệm chi phí sử dụng thuốc. Kết quả phân tích danh mục thuốc sử dụng tại một số bệnh viện đã cho thấy việc chưa ưu tiên sử dụng thuốc generic, thuốc sản xuất trong nước, đường uống, tuy nhiên tùy thuộc đặc thù mô hình bệnh tật tại một số bệnh viện chuyên khoa sản/sản nhi mà tỷ lệ khoản mục cũng như giá trị theo các chỉ số trên là khác nhau [4], [5], [6], [7].

Phương pháp phân tích ABC và ma trận ABC/VEN nhằm đánh giá tính hợp lý trong mua sắm thuốc tại cơ sở khám chữa bệnh [2]. Thực tế đã chỉ ra tính chưa hợp lý trong mua sắm tại một số bệnh viện khi tỷ lệ khoản mục thuốc trong các hạng A, B, C nằm ngoài khoảng khuyến cáo.

Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng là bệnh viện chuyên khoa hạng I - chuyên ngành sản phụ khoa, trực thuộc quản lý của Sở Y tế Hải Phòng, số giường bệnh kế hoạch là 450. Một số các lĩnh vực chuyên sâu của như phẫu thuật nội soi phụ khoa, thụ tinh trong ống nghiệm, điều trị ung thư, một số kỹ thuật cao như sàng lọc chẩn đoán sớm bệnh lý trước sinh, giải phẫu bệnh lý, phát hiện sớm ung thư, chăm sóc sức khỏe phụ nữ mãn kinh, trẻ vị thành niên... với số ca bệnh

năm 2021 là 31.718 cho thấy sự cần thiết phân tích danh mục thuốc sử dụng tại bệnh viện nhằm mục tiêu: *Xác định một số tồn tại trong danh mục thuốc sử dụng thông qua cơ cấu danh mục theo một số chỉ tiêu làm cơ sở cho việc lựa chọn thuốc và quản lý sử dụng thuốc tại bệnh viện được hiệu quả hơn.*

2. Đối tượng và phương pháp

2.1. Đối tượng

Danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng năm 2021 (giai đoạn từ 01/01/2021 đến 31/12/2021). Loại trừ các thuốc được cho tặng, viện trợ, thuốc chương trình; Thuốc chỉ phục vụ công tác khám bệnh ngoại viện, cơ sở thuốc phòng chống bão lụt, phòng chống dịch;

Cỡ mẫu: 179 khoản mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng năm 2021.

2.2. Phương pháp

Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Cách tiến hành: Các thuốc này được thu thập từ việc kết xuất báo cáo xuất, nhập, tồn thuốc năm 2021-phần mềm Viettel-His của bệnh viện ra Excel, tiến hành làm sạch và xử lý số liệu bằng phần mềm Excel, sử dụng phương pháp tỷ trọng, phương pháp phân tích ABC, VEN và ma trận ABC/VEN. Danh mục thuốc phân loại theo VEN do Hội đồng thuốc và điều trị bệnh viện thực hiện.

3. Kết quả

3.1. Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo nhóm thuốc, nguồn gốc, đường dùng

Bảng 1. Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo một số chỉ tiêu

TT	Nội dung	Khoản mục		Giá trị	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Thành tiền (1.000 đồng)	Tỷ lệ %
1	Nhóm thuốc				
1.1	Thuốc hóa dược	178	99,4	15.847.214	99,81
1.2	Thuốc dược liệu	1	0,6	30.142	0,19
2	Nguồn gốc xuất xứ				
2.1	Thuốc nhập khẩu	80	44,7	6.571.853	41,4
2.2	Thuốc sản xuất trong nước	99	55,3	9.305.503	58,6
3	Đường dùng				
3.1	Đường tiêm, tiêm truyền	134	74,9	14.027.610	88,3
3.2	Đường uống	27	15,1	1.042.979	6,6
3.3	Đặt âm đạo/hậu môn	5	2,8	540.905	3,4
3.4	Khí dung, dùng ngoài, dung dịch nội soi, nhỏ mắt	13	7,2	265.861	1,7
	Tổng	179	100	15.877.356	100

Năm 2021, Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng sử dụng 179 khoản mục thuốc, trong đó có 1 thuốc dược liệu là Haisamin (hoạt chất: Hải sâm). Thuốc nhập khẩu được sử dụng với tỷ lệ khoản mục và giá trị còn cao (> 40%). Đường dùng nhiều nhất tại bệnh viện chuyên khoa phụ sản tuyến tỉnh là đường tiêm, tiêm truyền (74,9% khoản mục; 88,3% giá trị).

3.2. Tỷ lệ khoản mục và giá trị các thuốc hóa dược đã sử dụng

Bảng 2. Tỷ lệ khoản mục và giá trị các thuốc hóa dược theo một số chỉ tiêu

TT	Nội dung	Khoản mục		Giá trị	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Thành tiền (1.000 đồng)	Tỷ lệ %
1	Thuốc generic/biệt dược gốc				
1.1	Thuốc generic	163	91,6	14.764.663	93,2
1.2	Thuốc biệt dược gốc	15	8,4	1.082.551	6,8
2	Thành phần				
2.1	Thuốc đơn thành phần	167	93,8	15.765.806	99,5
2.2	Thuốc đa thành phần	11	6,2	51.266	0,5
	Tổng	178	100	15.847.214	100

Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng sử dụng ưu tiên thuốc generic (> 91%), thuốc đơn thành phần (99,5% giá trị).

3.3. Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo phân hạng ABC**Bảng 3. Cơ cấu danh mục thuốc theo phân hạng ABC**

TT	Hạng	Giá trị sử dụng		Khoản mục	
		Thành tiền (1.000 đồng)	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	A	12.699.544	80,0	18	10,1
2	B	2.365.594	14,9	26	14,5
3	C	812.218	5,1	135	75,4
	Tổng	15.877.356	100	179	100

Tỷ lệ khoản mục thuốc mỗi hạng A, B, C là phù hợp với khuyến cáo (hạng A: 10,1%; hạng B: 14,5%; hạng C: 75,4%) cho thấy sự hợp lý tương đối trong mua sắm thuốc tại bệnh viện.

3.4. Tỷ trọng các thuốc hạng A theo nhóm tác dụng dược lý**Bảng 4. Tỷ trọng về khoản mục và giá trị các thuốc hạng A theo nhóm tác dụng dược lý**

TT	Nhóm tác dụng dược lý	Khoản mục		Khoản mục	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Thành tiền (1.000 đồng)	Tỷ lệ %
1	Thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn	10	55,6	10.145.564	79,9
2	Thuốc thúc đẻ, cầm máu sau đẻ và chống đẻ non	2	11,1	567.288	4,5
3	Thuốc gây tê, gây mê	2	11,1	446.954	3,5
4	Thuốc tác dụng đối với máu	1	5,6	460.575	3,6
5	Thuốc giảm đau	1	5,6	431.569	3,4
6	Hormon và các thuốc tác động vào hệ thống nội tiết	1	5,6	334.489	2,6
7	Dung dịch điều chỉnh nước, điện giải, cân bằng acid-base và các dung dịch tiêm truyền khác	1	5,6	313.103	2,5
	Tổng	18	100	12.699.544	100

Với 18 khoản mục thuốc trong hạng A, có 3 nhóm tác dụng dược lý sử dụng nhiều nhất đặc thù đối với chuyên khoa phụ sản gồm: Thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn; thuốc thúc đẻ, cầm máu sau đẻ và chống đẻ non; thuốc gây tê, gây mê. Nhóm thuốc tác dụng đối với máu có 1 thuốc là cyclonamine (ethamsylat) ống tiêm 12,5%; nhóm thuốc giảm đau có 1 thuốc là elaria (diclofenac) natri viên 100mg; nhóm hormon và các thuốc tác động vào hệ thống nội tiết là duphaston (dydrogesteron) viên 10mg.

Bảng 5. Mười thuốc kháng sinh có giá trị sử dụng nhiều nhất

TT	Tên thuốc, nồng độ, hàm lượng	Tên hoạt chất	Nguồn gốc	Đơn vị tính	Số lượng sử dụng	Thành tiền (1.000 đồng)
1	Nerusyn 3g (2 g + 1g)	Ampicillin + Sulbactam	Việt Nam	Lọ	36.829	3.228.401
2	Basultam (1g + 1g)	Cefoperazon + sulbactam	Cyprus	Lọ	9.590	1.775.077

TT	Tên thuốc, nồng độ, hàm lượng	Tên hoạt chất	Nguồn gốc	Đơn vị tính	Số lượng sử dụng	Thành tiền (1.000 đồng)
3	Ticarlinat 1,6g (1,5g + 0,1g)	Ticarcilin + Acid clavulanic	Việt Nam	Lọ	12.505	1.306.772
4	Bacsulfo 1g/1g	Cefoperazon + sulbactam	Việt Nam	Lọ	10.370	788.120
5	Cefoperazon 0,5g	Cefoperazon	Việt Nam	Lọ	22.314	780.990
6	Trikapezon 2g	Cefoperazon (natri)	Việt Nam	Lọ	12.669	746.267
7	Proxacin 1% (200mg/20ml)	Ciprofloxacin	Ba Lan	Lọ	3.874	526.864
8	Cepmaxlox 200	Cefpodoxim	Việt Nam	Viên	44.602	378.408
9	Amcefal 2g	Cefamandol (nafat)	Việt Nam	Lọ	4.126	317.702
10	Moretel 500mg/100ml	Metronidazol	Italy	Lọ	10.240	296.961

Trong 10 khoản mục kháng sinh có giá trị sử dụng nhiều nhất Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng có 7 thuốc được sản xuất trong nước. Bệnh viện sử dụng nhiều khoản mục thuốc kháng sinh là cefoperazon (4 khoản mục).

3.5. Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo phân nhóm VEN

Bảng 6. Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo phân nhóm VEN

TT	Nhóm	Khoản mục		Giá trị sử dụng	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Thành tiền (1.000 VNĐ)	Tỷ lệ %
1	V	57	31,8	2.257.144	14,2
2	E	116	64,8	13.086.047	82,4
3	N	6	3,4	534.165	3,4
	Tổng	179	100	15.877.356	100

Năm 2021, Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng sử dụng thuốc nhóm E với tỷ lệ > 80% là hợp lý, vẫn còn 6 thuốc nhóm N được sử dụng cho thấy sự cần thiết quản lý việc sử dụng các thuốc này, đồng thời tiến hành rà soát tiêu chuẩn phân loại các thuốc theo VEN phù hợp với đặc thù của bệnh viện trong những năm tiếp theo. 6 thuốc N đã sử dụng gồm: Elaria 100 mg, dung dịch rửa vết thương natri clorid 0,9%, cồn 70, haisamin, natri clorid, vintrysine.

3.6. Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo phân tích ma trận ABC/VEN

Bảng 7. Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo phân tích ma trận ABC/VEN

Phân nhóm		Khoản mục		Giá trị sử dụng	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Thành tiền (1.000 đồng)	Tỷ lệ %
A	V	4	2,2	1.014.242	6,4
	E	13	7,3	11.253.732	70,9
	N	1	0,6	431.569	2,7
B	V	10	5,6	991.315	6,2
	E	15	8,4	1.303.281	8,2
	N	1	0,6	70.998	0,4

Phân nhóm		Khoản mục		Giá trị sử dụng	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Thành tiền (1.000 đồng)	Tỷ lệ %
C	V	43	24	251.586	1,6
	E	88	49,1	529.034	3,4
	N	4	2,2	31.598	0,2
Tổng		179	100	15.877.356	100
Nhóm 1 (AV, AE, AN, BV, CV)		71	39,7	13.942.444	87,8
Nhóm 2 (BE, BN, CE)		104	58,1	1.903.313	12,0
Nhóm 3 (CN)		4	2,2	31.598	0,2
Tổng		179	100	15.877.356	100

Nhóm 1 là nhóm cần được quan tâm vì gồm các thuốc cần thiết cho điều trị và sử dụng nhiều. Nhóm này gồm 71 thuốc chỉ chiếm 39,7% số khoản mục nhưng chiếm 87,8% giá trị sử dụng. Có một thuốc xếp vào nhóm AN là nhóm có chi phí cao nhưng không thực sự cần thiết với kinh phí sử dụng 431.569 nghìn đồng chiếm 2,7% tổng kinh phí sử dụng là thuốc giảm đau Elaria 100mg (Diclofenac natri). Nhóm 2 và nhóm 3 (gồm các phân nhóm BE, BN, CE và CN) chiếm tỷ trọng thấp 12,2% về giá trị trong cơ cấu sử dụng. Nhóm BN có một thuốc là dung dịch rửa vết thương natri clorid 0,9% 500ml với giá trị 70.998 nghìn đồng.

4. Bàn luận

Tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng năm 2021, thuốc nhập khẩu được sử dụng với tỷ lệ khoản mục và giá trị cao, và đường tiêm, tiêm truyền cũng là đường dùng có giá trị sử dụng cao nhất. Các bệnh viện chuyên khoa sản thì tỷ lệ khoản mục đường tiêm, tiêm truyền trong khoảng 50%-70,23%; tỷ lệ giá trị từ 72,4%-90,97% [4], [5], [7]. Việc sử dụng nhiều thuốc đường tiêm, tiêm truyền do đặc thù là bệnh viện chuyên khoa sản, mô hình bệnh tật chủ yếu là các bệnh nhiễm khuẩn, thực hiện chủ yếu các phẫu thuật thủ thuật. Một số thuốc nhập khẩu là thuốc chuyên khoa đặc thù như proxacin 1%; duphaston 10 mg; fresofol 1% và esmeron 10mg. Các nhóm thuốc chuyên khoa như thuốc nội tiết, thuốc gây tê gây mê, thuốc thúc đẻ cầm máu, thuốc hô hấp có giá trị sử dụng lớn, dạng bào chế phức tạp hầu hết đều là các thuốc nhập khẩu. So với một

số bệnh viện chuyên khoa sản tỷ lệ khoản mục thuốc nhập khẩu nằm trong khoảng 51,1%-72,86% [4], [5], [6].

Danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng năm 2021, nhóm kháng sinh vẫn là nhóm có giá trị tiêu thụ cao nhất (67,4%), đây cũng là thực trạng chung của bệnh viện chuyên khoa sản như: Bệnh viện Sản nhi Bắc Ninh (42,3%) [7], Bệnh viện Sản nhi Nghệ An (60,2%) [4], Bệnh viện Phụ sản Hà Nội (24,45%) [5]. Kết quả phân tích cũng cho thấy Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng sử dụng kháng sinh nhóm β -lactam nhiều nhất, đây là nhóm kháng sinh an toàn cho phụ nữ có thai và cho con bú. Các thuốc kháng sinh sử dụng chính phù hợp với mô hình bệnh tật của bệnh viện phụ sản là chuyên khoa ngoại, các nhiễm khuẩn bụng, phần phụ nơi nhiễm khuẩn kỵ khí thường gặp.

Năm 2021, Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng sử dụng thuốc generic 93,8% khoản mục, 99,7% giá trị. Tỷ lệ này cao hơn so với một số bệnh viện chuyên khoa sản sử dụng trong khoảng 85,5%-89,7% khoản mục; 85,1%-91,58% giá trị [4], [5], [7] cho thấy bệnh viện đã quan tâm và ưu tiên sử dụng thuốc đơn thành phần như khuyến cáo của Bộ Y tế, bệnh viện cũng ưu tiên sử dụng thuốc generic [1], đồng thời cũng nằm trong giới hạn giá trị thuốc biệt dược gốc sử dụng theo chỉ đạo của Chính phủ đối với các tuyến bệnh viện [3].

Kết quả phân tích ABC danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cho thấy tính hợp lý trong mua sắm thuốc tại bệnh viện. Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo phân tích ma trận ABC/VEN

cho thấy tỷ lệ giá trị nhóm AE chỉ đạt 70,9% còn thấp (chưa đạt 80%). Việc phân loại thuốc theo VEN tại bệnh viện còn chưa được quan tâm, chủ yếu do dược sĩ khoa dược thực hiện sẽ là hạn chế về những nhận định trong kết quả phân tích danh mục thuốc sử dụng theo phân tích ma trận ABC/VEN. Bệnh viện cần phân tích ABC/VEN hàng năm theo hướng dẫn của Bộ Y tế và thúc đẩy vai trò của Hội đồng thuốc và điều trị bệnh viện [2].

5. Kết luận

Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng năm 2021 tương đối hợp lý về nhóm thuốc (thuốc hóa dược: 99,4% khoản mục; 99,8% giá trị), nguồn gốc (thuốc sản xuất trong nước: 55,3% khoản mục; 58,6% giá trị), đường dùng (đường tiêm, tiêm truyền: 74,9% khoản mục; 88,3% giá trị), thành phần (thuốc đơn thành phần: 93,8% khoản mục; 99,5% giá trị), thuốc generic (91,6% khoản mục; 93,2% giá trị).

Cơ cấu thuốc mua sắm tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng năm 2021 hợp lý về tỷ lệ khoản mục các hạng A, B, C. Bệnh viện cần tiến hành phân loại thuốc sử dụng theo VEN phù hợp với mô hình bệnh

tật bệnh viện làm cơ sở cho phân tích ma trận ABC/VEN hàng năm.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2012) *Quyết định 4824/QĐ-BYT ngày 03/12/2012 của Bộ Y tế về việc phê duyệt đề án Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam*.
2. Bộ Y tế (2013) *Thông tư 21/2013/TT-BYT ngày 08/08/2013 quy định về tổ chức và hoạt động Hội đồng thuốc và điều trị bệnh viện*.
3. Bộ Y tế (2017) *thống nhất tỷ lệ sử dụng biệt Dược gốc tại các tuyến điều trị theo chỉ đạo của Chính phủ*.
4. Chu Thị Nguyệt Giao (2018) *Phân tích thực trạng sử dụng thuốc tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An năm 2016*. Trường Đại học Dược Hà Nội.
5. Lại Việt Hà (2019) *Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội năm 2018*. Trường Đại học Dược Hà Nội.
6. Lưu Thị Huyền (2019) *Phân tích danh mục thuốc được sử dụng tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương năm 2017*. Trường Đại học Dược Hà Nội.
7. Bùi Thị Thúy Tinh (2018) *Phân tích cơ cấu sử dụng thuốc sử dụng tại Bệnh viện Sản Nhi Bắc Ninh năm 2017*. Trường Đại học Dược Hà Nội.